

Số: /QĐ-UBND

Chợ Chu, ngày tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN CHỢ CHU

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Nghị định số 130 ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về quy định về chế độ tự chủ trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC - BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ tài chính - Bộ Nội vụ quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 7888/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện Định Hoá về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 huyện Định Hoá;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 30/12/2024 của HĐND thị trấn khóa XX, kỳ họp thứ hai về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2025; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 03/01/2025 của HĐND thị trấn khóa XX, kỳ họp thứ hai về phân bổ Dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2025 thị trấn Chợ Chu;

Sau khi thảo luận và thống nhất giữa Đảng ủy-HĐND-UBND, các ngành đoàn thể và Công đoàn cơ sở thị trấn Chợ Chu;

Xét đề nghị của Ban Tài chính - Ngân sách thị trấn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này là quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 của Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Chu.

Điều 2. Các bộ phận được sử dụng ngân sách xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công tổ chức thực hiện theo quy định. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, Các chế độ chính sách quy định tại quyết định này thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, trong quá trình thực hiện nếu chế độ chính sách của Nhà nước có thay đổi thì quy chế này sẽ được điều chỉnh bổ sung cho phù hợp.

Điều 3. Công chức Văn phòng - Thống kê, Công chức Tài chính - Kế toán, các ban ngành, đoàn thể có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Kho bạc Nhà nước huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- TTĐU-HĐND TT;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Các ngành, đoàn thể, chuyên môn;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phan Thanh Nam

Chợ Chu, ngày tháng 01 năm 2025

QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2025 của UBND thị trấn Chợ Chu)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ xây dựng quy chế:

Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Luật Thi đua khen thưởng năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; và các thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính;

Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ;

Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/06/2023 của Chính phủ về Quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng

Căn cứ Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban chấp hành Trung ương ban hành quy định chế độ chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức cơ sở Đảng, Đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở;

Căn cứ quyết định 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng chính phủ về quy định tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc thiết bị;

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành danh mục, thời gian tính hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên;

Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 09/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ hợp trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 200/2011/TTLT/BTCBVHTTDL ngày 30/12/2011 của liên bộ Bộ Tài chính và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc Quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC - BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ tài chính - Bộ Nội vụ quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Thông tư số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Liên Bộ nội vụ - Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 quy định chi

tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 63/2017/TT-BTC ngày 19/6/2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của ban thanh tra nhân dân;

Thông tư số 121/2017/TT-BTC ngày 15/11/2017 của Bộ Tài Chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới đô thị văn minh”;

Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;

Căn cứ Thông tư số 191/2009/TT-BTC ngày 01/10/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động bình đẳng giới và hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ;

Thông tư số 04/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2021 hướng dẫn một số chế độ đối với người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy, phục vụ chữa cháy, thành viên đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở và chuyên ngành tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy;

Thông tư số 168/2021/TT-BQP ngày 18/12/2021 của Bộ quốc phòng quy định tiêu chuẩn, định lượng ăn và mức tiền ăn cơ bản bộ binh, quân chủng, binh chủng, bệnh nhân điều trị, học viên quân sự quốc tế; ăn thêm ngày lễ tết, khi làm nhiệm vụ; chế độ ăn, bồi dưỡng hàng năm;

Căn cứ Thông tư số 56/2023/TTLT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở;

Nghị quyết số 43/2014/NQ-HĐND ngày 18/5/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức thù lao đối với người giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội có tính chất đặc thù của tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 04/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về mức thù lao đối với người giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội có tính chất đặc thù của tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2018 ngày 13/7/2018 của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 13/2018/QĐ-

UBND ngày 20/07/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định thực hiện chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân; xử lý đơn khiếu nại tố cáo, kiến nghị phản ánh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về ban hành quy định mức chi hỗ trợ một số chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 27/3/2019 của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 quy định chính sách hỗ trợ lực lượng nhân viên, công tác viên thú y cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định mức thưởng đối với vận động viên tại các giải thể thao đại hội thể dục thể thao của tỉnh Thái Nguyên

Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh Thái Nguyên Ban hành quy định nội dung, mức chi phục vụ hoạt động của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc Quy định mức chi hỗ trợ thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 Quy định phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 10/5/2023 của HĐND tỉnh Thái Nguyên Quy định chính sách hỗ trợ đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy và người cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về ban hành quy định chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xóm, tổ dân phố; số lượng, mức phụ cấp, mức hỗ trợ, mức chi bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 27/06/2024 của HĐND tỉnh Thái Nguyên Quy định tiêu chí thành lập và tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, mức bồi dưỡng, mức trợ cấp và các mức chi khác cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Thái Nguyên Quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thực hiện;

Căn cứ Quy định số 3020-QĐ/TU ngày 25/12/2019 của Tỉnh ủy Thái Nguyên quy định một số chế độ chi tiêu hoạt động của các huyện ủy, thành ủy, thị ủy, Đảng ủy Khối trực thuộc Tỉnh ủy;

Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 28/8/2012 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định chế độ quản lý đặc thù đối với Đội tuyên truyền lưu động; chế độ chi tiêu tài chính đối với các hoạt động thể thao và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 05/11/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định việc thực hiện chế độ công tác phí, chế độ hội nghị đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên;

Hướng dẫn số 3711/HDLN-BCH-SNV-STC- SLĐTB&XH-SKH&ĐT-SYT-BHXX ngày 11/10/2023 của Bộ CHQS tỉnh Thái Nguyên - Sở Nội vụ - Sở Tài chính - Sở Lao động TB&XH - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sơ Y tế - Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên hướng dẫn thực hiện đề án xây dựng Lực lượng dân quân tự vệ tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2035;

Quy định số 3041-QĐ/VPTW ngày 21/8/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng quy định về chế độ chi tổ chức đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Công văn số 3324-CV/VPTWW/nb ngày 04/10/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc đính chính nội dung chi tại Khoản 4, Điều 3 Quy định số 3041-QĐ/VPTW ngày 21/8/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng;

Trên cơ sở số liệu chi tiêu kinh phí năm trước và dự toán giao đầu năm 2025, UBND thị trấn Chợ Chu xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 như sau:

Điều 2. Mục tiêu xây dựng quy chế:

- Tạo quyền chủ động trong quản lý và chi tiêu tài chính của cơ quan.
- Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí; công bằng trong đơn vị; khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi.
- Sử dụng tài sản công đúng mục đích, có hiệu quả.
- Tạo quyền chủ động cho các Ban ngành, đoàn thể, cán bộ, công chức trong cơ quan hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn được giao.

Điều 3. Phạm vi, đối tượng, nguyên tắc xây dựng quy chế:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về chế độ, định mức, chứng từ quyết toán, trình tự thủ tục và thời gian quyết toán kinh phí từ ngân sách nhà nước.

2. Đối tượng điều chỉnh: Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp được Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thị trấn giao dự toán chi hoạt động từ ngân sách nhà nước bao gồm: Văn phòng Đảng ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị trấn, Mặt trận Tổ quốc, Hội nông dân, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên, Hội chữ thập đỏ, Hội người cao tuổi, Ban chỉ huy quân sự, Công an thị trấn; Cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách trong các tổ chức được nêu trên, người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố trên địa bàn thị trấn Chợ Chu.

3. Quy chế được xây dựng bảo đảm những nguyên tắc chung sau đây:

- * Bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- * Các nội dung, mức chi không được vượt quá chế độ quy định hiện hành do các cơ quan có thẩm quyền ban hành.
- Thực hiện công khai, dân chủ và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cán bộ, công chức, người lao động.
- Những nội dung chi cần thiết phục vụ cho hoạt động của UBND thị trấn nhưng Nhà nước chưa ban hành chế độ thì UBND thị trấn có thể xây dựng mức chi cho từng nhiệm vụ, nội dung công việc trong phạm vi nguồn tài chính của thị trấn.
- Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ: Việc chi tiêu của xã phải đảm bảo đúng định mức và trong phạm vi nguồn ngân sách được giao, đảm bảo có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước trong quá trình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước được giao và

quyết toán ngân sách Nhà nước theo đúng chế độ quy định. Các nội dung thực hiện khoán bằng tiền, chứng từ được thực hiện theo quy định của Quy chế này và các văn bản hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài chính.

- Đảm bảo nguồn tài chính để đáp ứng mọi nhu cầu hoạt động bình thường của đơn vị, sử dụng kinh phí tiết kiệm và có hiệu quả trên cơ sở định mức và chế độ tài chính hiện hành phù hợp với đặc thù của đơn vị để hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao.

- Căn cứ nội dung, yêu cầu và hiệu quả công việc, trong phạm vi nguồn tài chính được sử dụng, Thủ trưởng đơn vị được quyết định các mức chi quản lý, chi nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu thực tế và khả năng tài chính hiện có.

- Các khoản chi thường xuyên phục vụ cho các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao được thực hiện mức khoán cao hơn hoặc thấp hơn tùy theo khả năng tài chính hiện có của đơn vị.

- Các khoản chi không thường xuyên kể ở dưới đây không được thực hiện theo quy chế, mà phải chi theo quy định hiện hành của Nhà nước:

- + Tiêu chuẩn, định mức về nhà làm việc;
- + Tiêu chuẩn, định mức trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động;
- + Chế độ tiếp khách nước ngoài;
- + Chế độ quản lý, sử dụng kinh phí các chương trình mục tiêu Quốc gia;
- + Chế độ sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao;
- + Chế độ quản lý, sử dụng vốn đối ứng dự án, vốn viện trợ thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước;
- + Chế độ quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, kinh phí mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định phục vụ hoạt động sự nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- + Chi thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức...;
- + Chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Nguồn kinh phí được giao theo Quyết định số 7888/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND huyện Định Hoá về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 huyện Định Hoá và được phân bổ tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 03 tháng 01 năm 2025 của HĐND thị trấn Chợ Chu khoá XX, kỳ họp thứ hai nhiệm kỳ 2021-2026 về phân bổ dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2025, thị trấn Chợ Chu;

- Nguồn kinh phí được bổ sung trong năm (nếu có):

Chương II: QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CHỨNG TỪ KẾ TOÁN, TIÊU CHUẨN VÀ ĐỊNH MỨC CHI

I. CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

Điều 5. Chứng từ kế toán

Mọi nghiệp vụ Kinh tế, Tài chính phát sinh có liên quan đến ngân sách và hoạt động Tài chính của thị trấn đều phải lập chứng từ kế toán. Số liệu ghi trên sổ sách kế toán đều phải có chứng từ kế toán hợp pháp, hợp lệ chứng minh.

1. Chứng từ kế toán hợp pháp:

Là chứng từ được lập theo đúng mẫu biểu qui định. Việc ghi chép trên chứng từ phải đúng nội dung, bản chất nghiệp vụ của kinh tế phát sinh và nghiệp vụ kinh tế này phải phù hợp với các qui định của pháp luật. Có đủ chữ ký của người lập, người duyệt, người thực hiện và đóng dấu của Ủy ban nhân dân thị trấn, tùy theo qui định cụ thể của từng chứng từ.

2. Chứng từ hợp lệ:

Là chứng từ được ghi chép đầy đủ các yếu tố, các tiêu thức theo qui định và lập đúng phương pháp, trình tự qui định cho từng chứng từ. Trường hợp không có mẫu thì chứng từ viết tay có đủ các yếu tố quy định cũng được coi là hợp lệ.

3. Chứng từ kế toán không được tẩy xóa và phải có đủ các yếu tố sau:

- Tên và số hiệu của chứng từ .
- Ngày, tháng, năm lập chứng từ.
- Tên đơn vị hoặc cá nhân lập chứng từ.
- Tên đơn vị hoặc cá nhân nhận chứng từ.
- Nội dung nghiệp vụ Kinh tế, Tài chính phát sinh.
- Các chỉ tiêu về số lượng, đơn giá và số tiền của nghiệp vụ kinh tế, Tài chính ghi bằng tổng số tiền của chứng từ kế toán dùng để thu, chi tiền bằng số và bằng chữ.
- Họ và tên, chữ ký của người chịu trách nhiệm lập, người chịu trách nhiệm duyệt chứng từ. Đối với chứng từ do thị trấn lập gửi ra bên ngoài thì phải đóng dấu của UBND thị trấn.

II. CHI THANH TOÁN CÁ NHÂN.

Điều 6. Tiền lương, phụ cấp lương, tiền công.

1. Tiền lương, tiền công.

Tiền lương, tiền công theo quy chế này là toàn bộ các khoản tiền lương, phụ cấp lương, tiền công theo các quy định hiện hành của Nhà nước

UBND xã thực hiện việc chi trả lương cho từng người lao động theo cách tính như sau:

$$\text{Tiền lương Cá nhân} = \frac{\text{Lương tối thiểu Chung/tháng do Nhà nước Quy định}}{\text{Hệ số lương chính và hệ số phụ cấp lương của cá nhân}} \times$$

+ Các khoản phụ cấp khác thực hiện theo quy định hiện hành.

+ Hình thức chi trả: bằng chuyển khoản.

+ Thời gian chi trả: Từ ngày 05 - 25 hàng tháng.

- Tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học tập trung trong nước, thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Nhà nước.

- Cán bộ, công chức nghỉ chế độ ốm đau, thai sản do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả theo chế độ quy định.

- Hợp đồng nhân viên bưu tá, tạp vụ: 3.500.000đ/người/tháng. Thời gian ký hợp đồng theo tháng.

- Tiền công hợp đồng quản lý, trông coi, quét rọn di tích số tiền: 2.000.000đ/năm, thời gian hợp đồng là 01 năm.

2. Các khoản phụ cấp.

a) Phụ cấp khu vực, phụ cấp chức vụ, Phụ cấp công vụ, phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp trách nhiệm, thâm niên vượt khung ... theo các quy định hiện hành.

b) Phụ cấp làm thêm giờ: Tiền làm thêm giờ chỉ được thanh toán cho những công việc phục vụ nhu cầu thiết yếu của UBND nhưng không hoàn thành trong thời gian làm việc chính thức. Mức chi và cách tính theo Thông tư số: 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Liên Bộ nội vụ - Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/ 5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động. Tiền làm thêm giờ được thanh toán tối đa không vượt quá 4 giờ/ngày làm việc; ngày thứ 7, CN, ngày lễ, tết tối đa không vượt quá 12 giờ/ngày, 20 giờ/tháng; 200 giờ/năm.

c) Phụ cấp cán bộ không chuyên trách xã, thị trấn, tổ dân phố, mức hỗ trợ, mức chi bồi dưỡng hằng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở xóm, tổ dân phố thực hiện theo Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh Thái Nguyên Quy định chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thị trấn; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xóm, tổ dân phố; số lượng, mức phụ cấp,

mức hỗ trợ, mức chi bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

d) Thù lao hàng tháng cho chủ tịch các hội đặc thù thực hiện theo Nghị quyết số 43/2014/NQ-HĐND ngày 18/5/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức thù lao đối với người giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội có tính chất đặc thù của tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 04/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về mức thù lao đối với người giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội có tính chất đặc thù của tỉnh Thái Nguyên;

đ) Phụ cấp Thôn đội trưởng, phụ cấp chức vụ DQTV thực hiện theo Hướng dẫn số 3711/HDLN-BCH-SNV-STC- SLĐT&XH-SKH&ĐT-SYT-BHXH ngày 11/10/2023 của Bộ CHQS tỉnh Thái Nguyên - Sở Nội vụ - Sở Tài chính - Sở Lao động TB&XH - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Y tế - Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên hướng dẫn thực hiện đề án xây dựng Lực lượng dân quân tự vệ tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2035;

Điều 7. Tiền thưởng.

7.1. Thực hiện theo Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng. Mức tiền thưởng quy định như sau:

* Thưởng danh hiệu Lao động tiên tiến: Bằng 0,3 lần mức lương cơ sở.

* Tập thể được tặng giấy khen của Chủ tịch UBND thị trấn được kèm theo mức tiền thưởng tối đa bằng 0,3 lần mức lương cơ sở.

* Cá nhân được tặng giấy khen của Chủ tịch UBND thị trấn được kèm theo mức tiền thưởng tối đa bằng 0,15 lần mức lương cơ sở.

7.2. Đối với khen thưởng hoạt động công tác Đảng thực hiện theo Hướng dẫn số 56-HD/VPTW ngày 27/10/2015 của Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn về mức chi tiền thưởng kèm theo các hình thức khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên, mức chi cụ thể như sau:

* Đảng viên được tặng giấy khen của Đảng ủy kèm theo mức tiền thưởng tối đa bằng 0,3 lần mức lương cơ sở.

* Chi bộ được tặng giấy khen của Đảng ủy kèm theo mức tiền thưởng tối đa bằng 0,6 lần mức lương cơ sở.

7.3. Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ thực hiện theo quy chế riêng.

Điều 8. Các khoản đóng góp theo lương: BHXH, BHYT, Bảo hiểm TNLĐ BNN, Kinh Phí công đoàn: Thực hiện theo các quy định hiện hành

III. CHI THANH TOÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Điều 9. Chí phí dịch vụ công cộng.

1. Quy định về chi tiền điện ánh sáng:

Việc sử dụng điện phải trên tinh thần tiết kiệm, không vượt tiêu chuẩn, định mức quy định. Không sử dụng của công vào mục đích của cá nhân và không gây thất thoát, lãng phí.

a) Chi tiền điện

- Hiện tại Ủy ban nhân dân chi trả tiền điện sinh hoạt chung cho Đảng ủy, HĐND, UBND, các ban ngành, đoàn thể, Công an, quân sự thị trấn. Đề nghị các phòng sử dụng điện đúng mục đích, nhu cầu và tiết kiệm. Khi ra khỏi phòng phải tắt tất cả các thiết bị điện.

- Chứng từ thanh toán là thông báo và hoá đơn thu tiền điện của điện lực huyện Định Hóa

b) Thanh toán bằng chuyển khoản.

2. Chí phí dịch vụ công cộng khác: Chi theo từng trường hợp cụ thể khi được Chủ tịch hoặc người được ủy quyền duyệt.

Điều 10. Về sử dụng văn phòng phẩm.

- Văn phòng UBND dự toán và cung cấp văn phòng phẩm cho UBND theo nhiệm vụ và nhu cầu sử dụng, thanh toán theo thực tế phát sinh.

- Văn phòng phẩm của Đảng ủy, HĐND các ngành đoàn thể do Đảng ủy, HĐND và các ngành đoàn thể đề xuất theo nhu cầu thực tế. Văn phòng phẩm của các chương trình, đề tài, dự án được thực hiện theo dự toán được duyệt của nguồn kinh phí tương ứng và thanh toán theo thực tế phát sinh.

- Việc mua sắm và sử dụng văn phòng phẩm của Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ, các đoàn thể, công an, quân sự đều phải thực hiện ký phiếu cấp phát giao nhận cho tất cả các cá nhân trên tinh thần tiết kiệm và sử dụng đúng mục đích hoạt động của tập thể căn cứ vào dự toán đã được phân bổ theo Nghị quyết HĐND phê chuẩn ngày 03/01/2025 để cân đối mua sắm và sử dụng văn phòng phẩm.

- Ban tài chính ngân sách thị trấn sẽ thực hiện rà soát phần sử dụng văn phòng phẩm mỗi quý 01 lần để đảm bảo việc cân đối ngân sách chi thanh toán VPP không vượt quá dự toán đã giao đầu năm.

- Chứng từ thanh toán: Theo giấy đề nghị thanh toán được Chủ tịch UBND thị trấn duyệt chi, hóa đơn thực tế, danh sách cấp phát VPP và hợp đồng kèm theo.

Điều 11. Chi thông tin, tuyên truyền, liên lạc.

+ Thanh toán cước phí sử dụng điện thoại, mạng Internet ... căn cứ theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm hiệu quả.

+ Báo chí, ấn phẩm truyền thông: UBND khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan sử dụng báo, thư điện tử. Hàng tháng chỉ đặt báo cho Đại biểu HĐND và Tạp chí QL NQQG. Thanh toán theo chứng từ, hóa đơn thực tế.

Điều 12. Về chế độ chi Hội nghị và công tác phí.

3. Định mức chi tổ chức họp, hội nghị, lễ kỷ niệm thành lập ngành:

a. Chi hội nghị

Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề; hội nghị sơ kết, tổng kết năm; hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác ... do các cơ quan hành chính nhà nước tổ chức được quy định tại Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 09/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ họp trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Mức chi, nội dung chi Thực hiện theo Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 05/11/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định việc thực hiện chế độ công tác phí, chế độ hội nghị đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên;

- Nội dung chi:

- + Tiền in (hoặc mua) tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ hội nghị.
- + Tiền nước uống giải khát giữa giờ.
- + Chi bù tiền ăn đại biểu không lương.
- + Thuê chỗ nghỉ (trong trường hợp hội nghị cả ngày).
- + Tiền báo cáo viên.
- + Các khoản chi khác: như tiền thuốc chữa bệnh thông thường, trang trí hội trường...theo quy định hiện hành.

*** Mức chi một số nội dung cụ thể như sau:**

- + Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của CQNN: Mức chi không quá: 100.000đ/ người/ ngày.
- + Chi giải khát giữa giờ đại biểu dự hội nghị: Mức chi không quá 20.000đ/người/buổi.

(Mức chi trên là mức tối đa, khi các bộ phận phát sinh nhiệm vụ chi trình Chủ tịch UBND thị trấn phê duyệt theo khả năng Ngân sách hiện có)

- Đối với tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm (năm chẵn) theo sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước quy định mức chi tiền ăn là 100.000đ/người/ ngày và tiền nước là 20.000đ/người/ buổi. Các khoản chi tiền trang trí, phô tô tài liệu, tiền thuê mướn các phương tiện thanh toán theo hóa đơn thực tế (nếu có).

- Đối với hội nghị học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng, Nhà nước do Đảng ủy thị trấn tổ chức: Tùy vào tình hình khả năng cân đối kinh phí được chi tiền hỗ trợ tiền ăn cho đảng viên không phải là cán bộ, công chức, viên chức mức tối đa là: 100.000đ/người/ngày, Chi giải khát giữa giờ đại biểu dự hội nghị: mức chi tối đa 20.000đ/ người/ buổi.

- Chi báo cáo viên: mức chi 300.000đ/người/buổi.

- Đối với Hội đồng nhân dân Quy định 1 số nội dung như sau:

+ Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu và bộ phận giúp việc, phục vụ trong những ngày diễn ra kỳ họp mức chi không quá 150.000đ/ người/ ngày.

+ Chi giải khát giữa giờ đại biểu dự kỳ họp: Mức chi không quá 20.000đ/đại biểu/buổi.

+ Chi bồi dưỡng chủ tọa kỳ họp 200.000đ/người/buổi; bồi dưỡng thư ký kỳ họp 70.000đ/người/buổi.

Các chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân khác áp dụng theo Nghị quyết HĐND số 10/2018/NQ-HĐND tỉnh Thái Nguyên ngày 08/12/2018 về việc ban hành quy định mức chi hỗ trợ một số chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Ngoài ra đối với các buổi tập huấn, triển khai văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tùy theo tính chất công việc, thời gian chủ tịch UBND thị trấn quyết định mức chi phù hợp nhưng không vượt quá mức chi quy định nêu trên.

Hóa đơn, chứng từ thanh toán chi hội nghị, kỳ họp

- Văn bản, dự trù kinh phí hội nghị được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Hóa đơn, chứng từ hợp pháp và bảng kê thanh toán đối với các khoản chi bằng tiền mặt cho người tham dự hội nghị (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành về hóa đơn, chứng từ thanh toán.

- Đối với Đại hội Đảng bộ thị trấn nhiệm kỳ 2025-2030 Quy định 1 số nội dung như sau:

+ Chi công tác chuẩn bị văn kiện đại hội, chuẩn bị phương án nhân sự trình đại hội không quá: 14.000.000đ

+ Chi tiền ăn của Đại biểu và khách mời dự đại hội mức chi không quá 350.000đ/người/ngày; chi gặp mặt tổng kết đại hội bằng mức chi tiền ăn 1 ngày quy định tại điểm này.

+ Chi giải khát giữa buổi mức chi không quá 40.000đ/ người /buổi

+ Chi tiền văn phòng phẩm, in ấn, phô tô tài liệu, mua cặp tài liệu, sổ, bút, phù hiệu đại hội cho đại biểu thanh toán theo hóa đơn thực tế.

Các nội dung chi khác phục vụ đại hội thực hiện theo Quy định số 3041-QĐ/VPTW ngày 21/8/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng quy định về chế độ chi tổ chức đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

2. Chi công tác phí cho cán bộ:

Thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 05/11/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định việc thực hiện chế độ công tác phí, chế độ hội nghị đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên; Quy định như sau: Phụ cấp lưu trú trả cho người đi công tác, tập huấn tại các huyện trong tỉnh và TP Thái Nguyên là: 150.000đ/người/ngày; các tỉnh còn lại là: 200.000đ/người/ngày; tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác thanh toán theo hóa đơn thực tế nhưng không vượt quá 350.000đ/ngày/phòng.

Chứng từ thanh toán công tác phí

- Giấy đi đường của người đi công tác có đóng dấu xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi đến công tác (hoặc của khách sạn, nhà khách nơi lưu trú).

- Văn bản hoặc kế hoạch công tác đã được thủ trưởng cơ quan, đơn vị phê duyệt; công văn; giấy mời; văn bản trung tập tham gia đoàn công tác.

- Hóa đơn, chứng từ thuê phòng nghỉ hợp pháp theo quy định của pháp luật (áp dụng khi thanh toán tiền thuê phòng nghỉ theo hóa đơn thực tế).

Điều 13. Chi tiếp khách

Thực hiện theo Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Thái Nguyên.

- Mức chi tiếp khách như sau:

+ Chi giải khát: mức chi không quá 30.000đ/buổi/ người

+ Chi mời cơm: mức chi không quá 300.000đ/suất (đã bao gồm đồ uống)

- Thành phần tiếp khách, mức chi do lãnh đạo địa phương xem xét quyết định đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả phù hợp với khả năng ngân sách, đặc điểm của đơn vị.

- Đối tượng mời cơm: Cán bộ lão thành cách mạng; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; các đoàn người có công và thân nhân người có công với cách mạng; các chức sắc tôn giáo; đồng bào là dân tộc thiểu số; Cán bộ, lãnh đạo cấp tỉnh, cấp huyện; lãnh đạo các xã, phường, thị trấn, xóm, tổ dân phố đến làm việc; Khách là các nhà đầu tư đến thăm và làm việc tìm hiểu môi trường đầu tư nhằm tạo điều kiện cho địa phương mở rộng,

thu hút các dự án đầu tư; các nhà tài trợ, viện trợ đến thăm và làm việc tại địa phương triển khai các dự án tài trợ, viện trợ cho địa phương.

- Kinh phí tiếp khách được tính vào kinh phí phân bổ cho từng ban ngành

Điều 14. Chi sửa chữa thường xuyên tài sản cố định.

Bao gồm các khoản sửa chữa máy tính, máy in, máy photocopy và các loại máy móc thiết bị khác. Khi phát sinh các khoản sửa chữa, các phòng thông báo để Văn phòng UBND kiểm tra và lập dự toán sửa chữa. Văn phòng trình Chủ tịch UBND và ký hợp đồng với các đơn vị có đủ năng lực, tư cách pháp nhân để cung cấp dịch vụ sửa chữa. Căn cứ vào khối lượng thực tế, hóa đơn chứng từ hợp pháp Bộ phận Kế toán làm thủ tục thanh toán theo quy định.

Điều 15. Mua sắm tài sản.

Căn cứ theo Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp bằng vốn nhà nước; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Quyết định 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng chính phủ về quy định tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc thiết bị;

Việc mua sắm tài sản cố định phải căn cứ vào nhu cầu, tiêu chuẩn, định mức và sự cần thiết phải trang bị thêm hoặc bổ sung các loại tài sản cố định phục vụ cho công việc của cơ quan. Các bộ phận có nhu cầu mua sắm tài sản mới phải xin ý kiến và được sự đồng ý phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn. Đối với các danh mục mua sắm tài sản tập trung thực hiện theo quy định hiện hành

Điều 16. Thuê mướn và sửa chữa thường xuyên:

- Đối với các khoản chi thuê, mướn: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc công việc thường xuyên của ngành có nhu cầu thuê mướn như: thuê vận chuyển, thuê sửa chữa, thuê nạo vét cống rãnh thì phải lập hợp đồng, biên bản nghiệm thu khối lượng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn. Hợp đồng phải nêu rõ nội dung, phạm vi và số tiền. Ví dụ như hợp đồng vận chuyển thì ghi rõ nội dung vận chuyển, tuyến đường đi và về bao nhiêu km, số tiền là bao nhiêu...

- Đối với sửa chữa thường xuyên thì lập dự toán trình Chủ tịch UBND thị trấn phê duyệt.

Điều 17. Xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn

- Xây dựng cơ bản: Khi đầu tư xây dựng cơ bản phải lập hồ sơ đúng quy trình về đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định hiện hành.

- Đối với các khoản sửa chữa lớn quy trình thực hiện như đầu tư xây dựng cơ bản.

Điều 18. Chi công tác đào tạo, bồi dưỡng, y tế

a) Chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng:

Thực hiện Theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư 06/2023/TT-BTC ngày 31/01/2023 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách có quyết định cử đi học tập, bồi dưỡng của cơ quan có thẩm quyền thì được chi hỗ trợ các khoản quy định như sau:

- Hỗ trợ tiền mua tài liệu học tập: Theo chứng từ, hóa đơn thực tế.

b) Chi hỗ trợ y tế gồm: Chi hỗ trợ cho hoạt động trong lĩnh vực dân số-kế hoạch hóa gia đình, hỗ trợ cho hoạt động phòng chống dịch bệnh.

Điều 19. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành:

1. Hỗ trợ tiền ăn chiến sĩ dân quân theo Thông tư số 168/2021/TT-BQP ngày 18/12/2021 của Bộ quốc phòng quy định tiêu chuẩn, định lượng ăn và mức tiền ăn cơ bản bộ binh, quân chủng, binh chủng, bệnh nhân điều trị, học viên quân sự quốc tế; ăn thêm ngày lễ tết, khi làm nhiệm vụ; chế độ ăn, bồi dưỡng hàng năm, mức chi hỗ trợ tiền ăn 65.000đ/ người /ngày; tiền công huấn luyện dân quân, điều động dân quân thực hiện nhiệm vụ là 0,12 mức lương cơ sở/ ngày/ người. Các chế độ Dân quân tự vệ khác thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ và Hướng dẫn số 3711/HDLN-BCH-SNV-STC- SLĐTB&XH-SKH&ĐT-SYT-BHXX ngày 11/10/2023 của Bộ CHQS tỉnh Thái Nguyên - Sở Nội vụ - Sở Tài chính - Sở Lao động TB&XH - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Y tế - Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên hướng dẫn thực hiện đề án xây dựng Lực lượng dân quân tự vệ tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2035;

2. Chi hỗ trợ, bồi dưỡng, trợ cấp và các khoản chi khác cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở thực hiện như sau:

+ Mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng:

* Tổ trưởng: 1.250.000đ/người/tháng

* Tổ phó: 1.150.000đ/người/tháng

* Tổ viên: 1.050.000đ/người/tháng

+ Khi làm nhiệm vụ từ 22 giờ ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau, ngày nghỉ, ngày lễ, khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động theo quyết định triệu tập của UBND thị trấn được hưởng mức tiền bồi dưỡng tối đa 100.000đ/người/ngày và không quá 63 ngày/người/năm.

Các khoản chi khác cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở thực hiện theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 27/06/2024 của HĐND tỉnh Thái Nguyên Quy định tiêu chí thành lập và tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, mức bồi dưỡng, mức trợ cấp và các mức chi khác cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

3. Chi hỗ trợ hoạt động các Chi bộ thực hiện theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban chấp hành Trung ương ban hành quy định chế độ chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức cơ sở Đảng, Đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở. Mức hỗ trợ thực hiện theo kết luận của Đảng ủy thị trấn.

4. Chi hỗ trợ cộng tác viên thú y thực hiện theo Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 quy định chính sách hỗ trợ lực lượng nhân viên, cộng tác viên thú y cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, mức hỗ trợ hằng tháng bằng 0,5 lần mức lương cơ sở.

5. Chi tặng quà chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi thực hiện theo Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, theo đó mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ được quy định là:

- Người cao tuổi thọ 85 tuổi được tặng quà gồm hiện vật trị giá 150.000 đồng và 500.000 đồng tiền mặt;

- Người cao tuổi thọ 80 tuổi được tặng quà gồm hiện vật trị giá 100.000 đồng và 400.000 đồng tiền mặt;

- Người cao tuổi thọ 75 tuổi được tặng quà gồm hiện vật trị giá 100.000 đồng và 300.000 đồng tiền mặt;

- Người cao tuổi thọ 70 tuổi được tặng quà gồm hiện vật trị giá 100.000 đồng và 200.000 đồng tiền mặt;

Để đảm bảo quyền lợi tốt nhất và phù hợp với điều kiện, cuộc sống của Người cao tuổi tại địa phương. Sau khi thảo luận giữa Đảng ủy – HĐND - UBND, các ngành đoàn thể và Công đoàn cơ sở thị trấn Chợ Chu thống nhất nội dung chi bằng hiện vật sẽ chi bằng tiền mặt, mức chi cụ thể như sau:

- Người cao tuổi thọ 85 tuổi mức chi bằng tiền mặt là: 650.000đ
- Người cao tuổi thọ 80 tuổi mức chi bằng tiền mặt là: 500.00đ
- Người cao tuổi thọ 75 tuổi mức chi bằng tiền mặt là: 400.000đ
- Người cao tuổi thọ 70 tuổi mức chi bằng tiền mặt là: 300.000đ

6. Chi hoạt động của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thực hiện theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh Thái Nguyên Ban hành quy định nội dung, mức chi phục vụ hoạt động của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và quy chế hoạt động của Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thị trấn Chợ Chu.

7. Chi hỗ trợ tổ hòa giải cơ sở thực hiện theo Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ Tài Chính về Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở. Mức chi một số nội dung như sau:

- Chi thù lao cho hòa giải viên (đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải): Mức chi 300.000 đồng/vụ, việc/ tổ hòa giải. Trường hợp vụ việc hòa giải thành theo Điều 24 Luật Hòa giải, mức chi: 400.000đồng/ vụ việc.

- Hỗ trợ chi phí mai táng cho người tổ chức mai táng hoà giải viên gặp phải tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hoà giải ở cơ sở: Mức chi bằng 05 tháng lương cơ sở;

- Chi hỗ trợ hoạt động của tổ hoà giải (Chi mua VPP, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hoà giải): Mức chi tối đa 100.000đồng/ tổ hoà giải/tháng.

- Chi hội nghị triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở thực hiện chi theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị.

- Các nội dung chi khác không quy định tại mục này nếu có phát sinh thì thực hiện theo Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ Tài Chính về Quy định việc

lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở.

8. Chi cho công tác xác định dạng tật, mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật theo Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;

Bao gồm:

* Chi văn phòng phẩm; in ấn Giấy xác nhận khuyết tật, biểu mẫu; mua sổ, sách, tài liệu phục vụ cho công tác quản lý. Mức chi thanh toán theo thực tế trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

* Chi họp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật:

- Chủ tịch Hội đồng tối đa 70.000 đồng/người/buổi;

- Thành viên tham dự tối đa 50.000 đồng/người/buổi;

- Chi nước uống cho người tham dự. Mức chi 10.000 đồng/người/buổi.

* Chi phí Giám định y khoa: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy Giám định y khoa. Thanh toán theo biên lai thu phí thực tế.

* Chi tuyên truyền, phổ biến các văn bản liên quan đến công tác xác định mức độ khuyết tật; chi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các thành viên của Hội đồng thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

9. Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (như: Hội Da cam, hội Cựu giáo chức, hội khuyến học, hội Đông y, hội Cựu TNXP...) do thủ trưởng đơn vị quyết định nhưng không vượt quá 2.000.000đ/hội/năm (Trong năm nếu các hội có phát sinh tổ chức đại hội tổng kết nhiệm kỳ thì mức hỗ trợ không vượt quá 5.000.000đ) tùy thuộc vào khả năng cân đối Ngân sách.

10. Hỗ trợ khác cho các cơ sở tổ dân phố như: Hỗ trợ tổng kết nhiệm kỳ, tổ chức tết trung thu, tết thiếu nhi, vui xuân, hỗ trợ diễn tập, hỗ trợ tập luyện tham gia các giải thể thao mức chi tối đa không quá 1.000.000đ/TDP/hoạt động (trong đó nếu các hoạt động có tổ chức điểm tại các TDP thì TDP tổ chức điểm được hỗ trợ tối đa là: 3.000.000đ/hoạt động) mức chi cụ thể do thủ trưởng đơn vị quyết định và tùy thuộc vào khả năng Ngân sách.

11. Hỗ trợ thực hiện cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” cho các khu dân cư thực hiện theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định mức chi hỗ trợ thực

hiện cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thị trấn và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, mức chi 8.000.000đ/ khu dân cư/ năm.

12. Chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh: Chi theo nghị quyết số 06/2018 ngày 13/7/2018 của HĐND tỉnh Thái Nguyên: được bồi dưỡng mức 50.000đồng/người/ngày.

13. Chi chế độ đối với người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy, phục vụ chữa cháy, thành viên đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở và chuyên ngành tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy thực hiện theo Thông tư số 04/2021/TT-BLĐT BXH ngày 30/6/2021 hướng dẫn một số chế độ đối với người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy, phục vụ chữa cháy, thành viên đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở và chuyên ngành tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy;

14. Các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường thực hiện theo Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh Thái Nguyên;

15. Người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn được chi thù lao bằng 0,5 lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng. Các chính sách hỗ trợ khác thực hiện theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 10/5/2023 của HĐND tỉnh Thái Nguyên Quy định chính sách hỗ trợ đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy và người cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

16. Chi các hoạt động thể thao và các giải thi đấu thể thao thực hiện theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định mức thưởng đối với vận động viên tại các giải thể thao đại hội thể dục thể thao của tỉnh Thái Nguyên và Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 28/8/2012 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định chế độ quản lý đặc thù đối với Đội tuyển truyền lưu động; chế độ chi tiêu tài chính đối với các hoạt động thể thao và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, quy định một số nội dung sau:

+ Mức chi tiền thưởng tối đa tại các Giải thể thao, Đại hội thể dục thể thao của thị trấn:

T	Nội dung/giải	Nhất	Nhì	Ba	Giải khuyến khích	Giải phong cách	Giải vận động viên xuất sắc
1	Cá nhân	500.000	400.000	300.000	200.000		
2	Giải đôi	1.000.000	800.000	600.000			
3	Giải đồng đội	1.400.000	1.200.000	1.000.000			
4	Giải các môn thể thao tập thể	Mức thưởng chung bằng số vận động viên theo quy định của Điều lệ giải nhân với 50% mức thưởng cá nhân tương ứng				500.000	500.000
5	Giải toàn đoàn đối với Đại hội Thể dục thể thao	3.000.000	2.000.000	1.000.000			
6	Giải toàn đoàn đối với các giải thể thao riêng lẻ	1.500.000	1.200.000	1.000.000			

+ Mức chi tổ chức đồng diễn, diễu hành đối với Đại hội thể dục thể thao như sau: Bồi dưỡng đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ:

Diễn giải	Mức chi (đồng/người/buổi)
- Người tập:	
+ Tập luyện (10 buổi)	15.000
+ Tổng duyệt (1 buổi)	20.000
+ Chính thức	40.000
- Giáo viên quản lý, hướng dẫn	40.000

+ Mua trang phục tham gia các giải thể thao mức chi: Bộ quần áo thể thao dài không quá: 240.000đồng/bộ; Bộ quần áo thể thao cộc không quá: 160.000đ; Giày ba ta không quá: 190.000đồng/đôi.

+ Mua vật tư hàng hóa dùng cho các giải thể thao tại thị trấn chi theo đề xuất của Ban tổ chức giải và phê duyệt của Thủ trưởng đơn vị.

17. Chi hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân thực hiện theo Thông tư số 63/2017/TT-BTC ngày 19/6/2017 của Bộ Tài Chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

- Nội dung chi: Chi tổ chức cuộc họp, hội nghị; Chi công tác phí phục vụ các cuộc giám sát, xác minh; Chi thù lao trách nhiệm cho các thành viên Ban Thanh tra nhân dân trực tiếp thực hiện công tác thanh tra, giám sát, xác minh vụ việc theo kế hoạch công tác được duyệt; Chi thù lao trách nhiệm cho các thành viên Ban Thanh tra nhân dân hoạt động phối hợp với tổ chức thanh tra nhà nước khi thanh tra tại địa phương, đơn vị (nếu có); Chi mua sắm văn phòng phẩm, cước điện thoại, cước bưu phẩm.

- Mức chi:

+ Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị; chi công tác phí: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

+ Chi bồi dưỡng báo cáo viên trong hội họp; chi thù lao trách nhiệm cho các thành viên Ban Thanh tra nhân dân trực tiếp thực hiện công tác thanh tra theo kế hoạch công tác được duyệt hoặc trong hoạt động phối hợp với tổ chức thanh tra nhà nước khi thanh tra tại địa phương, đơn vị: Mức chi 100.000 đồng/người/ngày.

+ Chi mua sắm văn phòng phẩm, cước điện thoại, cước bưu phẩm, các khoản chi khác: Theo thực tế phát sinh, theo hóa đơn thực tế và trong phạm vi kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân được giao, đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành và tiết kiệm, hiệu quả.

- Thẩm quyền quyết định mức chi: Trong phạm vi kinh phí được hỗ trợ cho Ban thanh tra nhân dân thị trấn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn xem xét duyệt mức chi cho phù hợp đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

18. Chi phí hỗ trợ giám sát đầu tư cộng đồng thực hiện theo Chương VIII – Chương IX tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư; gồm các nội dung chi:

- Chi phí mua văn phòng phẩm; thông tin, liên lạc phục vụ giám sát đầu tư của cộng đồng; Chi phí sao chụp, đánh máy, gửi tài liệu, gửi báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng Theo thực tế phát sinh, theo hóa đơn thực tế và trong phạm vi kinh phí hoạt động của Ban được giao, đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành và tiết kiệm, hiệu quả.

- Chi phí hành chính cho các cuộc họp, hội nghị về giám sát đầu tư của cộng đồng; Chi phí tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn về giám sát đầu tư của cộng đồng Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

- Chi thù lao trách nhiệm cho các thành viên của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng. Mức chi 100.000 đồng/người/ngày.

19. Chi trợ giúp xã hội khẩn cấp thực hiện theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Quy định như sau:

+ Hỗ trợ lương thực: Hỗ trợ 15 kg gạo/người/tháng trong thời gian 01 tháng cho mỗi đợt hỗ trợ đối với các đối tượng thuộc hộ thiếu đói dịp Tết âm lịch. Hỗ trợ không quá 3 tháng cho mỗi đợt hỗ trợ cho đối tượng thiếu đói do thiên tai, hỏa hoạn, mất mùa, giáp hạt hoặc lý do bất khả kháng khác. Hình thức hỗ trợ: hỗ trợ bằng tiền theo giá gạo tẻ thường tại địa phương ở thời điểm hỗ trợ.

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng nặng do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức không quá 20.000.000 đồng/hộ.

20. Hoạt động bình đẳng giới và hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ: Thực hiện theo thông tư số 191/2009/TT-BTC ngày 01/10/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động bình đẳng giới và hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ.

21. Mua chè, nước uống: Sử dụng trên cơ sở tiết kiệm chống lãng phí, chi theo thực tế phát sinh. Chứng từ thanh toán đảm bảo theo quy định của chế độ kế toán.

22. Chi viếng đám hiếu: Đối tượng chính sách: 500.000đ/đối tượng; Công dân trên địa bàn: 300.000đ/người.

Chương IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Điều khoản sửa đổi.

- Trong quá trình thực hiện có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình hoạt động, nhiệm vụ được giao, nguồn thu của UBND và khi có sự thay đổi về các chế độ, tiêu chuẩn, định mức mới ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung của Nhà nước.

+ Trong trường hợp có sự thay đổi về các chế độ, tiêu chuẩn, định mức mới ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung của Nhà nước thì Quy chế này sẽ được áp dụng theo thay đổi của văn bản mới ban hành.

+ Trong trường hợp thay đổi định mức do UBND thị trấn xây dựng cho phù hợp với tình hình hoạt động, nhiệm vụ được giao, nguồn thu của thị trấn thì phải có ý kiến của tổ chức công đoàn.

Lãnh đạo UBND quán triệt trong toàn thể cán bộ, công chức của UBND phải hạn chế tối đa tổ chức các phiên họp, các chuyến đi công tác, dịch vụ thông tin liên lạc (điện thoại, báo chí, ...) bằng cách khai thác sử dụng triệt để hệ thống trao đổi thông tin qua mạng và điều hành của lãnh đạo trực tiếp qua hệ thống thư điện tử, cập nhật thông tin qua báo điện tử, điều hành tác nghiệp thông qua các hệ thống phần mềm trên nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 21. Điều khoản thi hành.

- Quy chế chi tiêu nội bộ này được thống nhất với công đoàn cơ sở và thảo luận rộng rãi công khai tại Hội nghị cán bộ công chức trước khi ban hành.

- Chế độ, chính sách quy định tại quy chế này được thực hiện trong niên độ ngân sách năm 2025.

- Công chức Tài chính - kế toán có nhiệm vụ theo dõi, lập báo cáo định kỳ hàng quý để tham mưu cho lãnh đạo UBND thị trấn trong việc quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính theo đúng qui định tài chính hiện hành và qui định của quy chế này.

- Những khoản chi chưa được quy định tại quy chế này được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Quy chế này được gửi tới Phòng Tài chính - Kế hoạch, Kho bạc Nhà nước huyện Định Hóa nơi UBND thị trấn mở tài khoản.

- Các đơn vị, cá nhân trong cơ quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh để Lãnh đạo UBND thị trấn xem xét, xin ý kiến tập thể điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Văn phòng UBND thị trấn, Ban tài chính, các Ban ngành, đoàn thể, đơn vị thụ hưởng ngân sách thị trấn Chợ Chu chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

**TM. BAN CHẤP HÀNH CÔNG ĐOÀN
CHỦ TỊCH**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Huy Cường

Phan Thanh Nam